



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15 Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2017
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017**



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THỐNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Anh Linh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2017)
Ông Lê Hải Khánh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Độ	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Tùng	Thành viên
Ông Bùi Xuân Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2017)
Ông Trần Quang Ninh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2017)
Ông Nguyễn Xuân Khuê	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2017)
Ông Nguyễn Công Khởi	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2017)

Ban Kiểm soát

Ông Đào Gia Thắng	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2017)
Bà Trần Thị Len	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 07 năm 2017)
Ông Nguyễn Xuân Khuê	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 07 năm 2017)
Ông Nguyễn Việt Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 07 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc *[Signature]*



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Xuân Hải

Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 20.08/2017/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly, được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty đã chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng. Nếu như Công ty hạch toán các khoản đã chi này thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng Cân đối kế toán sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 9.053.100.931 đồng, đồng thời, lỗ lũy kế của Công ty là 55.799.894.545 đồng. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Tiên Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-1
Thay mặt và đại diện cho
**Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế**
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.884.872.324	71.471.408.286
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		125.291.120	3.691.992.213
1. Tiền	111	V.1	125.291.120	3.691.992.213
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	515.000.000	748.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(485.000.000)	(252.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.554.516.421	56.728.625.779
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	47.003.223.253	70.100.953.004
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		265.334.648	205.334.648
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1.100.325.179	1.100.325.179
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.248.233.635	2.418.767.628
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(17.062.600.294)	(17.096.754.680)
IV. Hàng tồn kho	140		10.592.475.715	10.201.048.277
1. Hàng tồn kho	141	V.7	10.592.475.715	10.201.048.277
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.589.068	101.742.017
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	63.313.167	101.742.017
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.275.901	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.644.053.702	14.222.856.209
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		172.849.427	172.849.427
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	172.849.427	172.849.427
II. Tài sản cố định	220		9.449.938.897	10.089.887.740
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	7.083.484.799	7.680.235.568
- Nguyên giá	222		83.981.382.646	88.655.686.431
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.897.897.847)	(80.975.450.863)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.366.454.098	2.409.652.172
- Nguyên giá	228		3.110.261.300	3.110.261.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(743.807.202)	(700.609.128)
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.021.265.378	3.960.119.042
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.021.265.378	3.960.119.042
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		57.528.926.026	85.694.264.495

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		54.014.375.528	75.963.718.971
I. Nợ ngắn hạn	310		53.937.973.255	75.382.316.698
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.997.078.071	34.249.428.228
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.035.800	27.035.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.939.623.771	2.376.287.010
4. Phải trả người lao động	314		416.218.637	420.552.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.082.448.020	1.461.928.493
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	1.219.679.635	1.623.520.819
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	39.100.197.500	37.067.872.390
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.844.308.179)	(1.844.308.179)
II. Nợ dài hạn	330		76.402.273	581.402.273
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	76.402.273	86.402.273
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	495.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.514.550.498	9.730.545.524
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	3.514.550.498	9.730.545.524
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(7.320.000)	(7.320.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.321.765.043	14.321.765.043
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(55.799.894.545)	(49.583.899.519)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		(49.583.899.519)	(38.672.688.996)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		(6.215.995.026)	(10.911.210.523)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		57.528.926.026	85.694.264.495

Đỗ Thị Phương
Người lập biểu

Hoàng Công Huân
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 02a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	223.159.087	30.820.494.526
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	9.088.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		223.159.087	30.811.406.526
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.149.549.425	28.156.344.159
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.926.390.338)	2.655.062.367
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.820.978	283.190.173
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.270.372.043	1.832.426.968
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.037.372.043	1.772.426.968
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	314.068.503	225.444.897
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.333.941.275	3.575.436.081
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.842.951.181)	(2.695.055.406)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.663.283.639	687.937.681
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.036.327.484	20.287.915
13. Lợi nhuận khác	40		626.956.155	667.649.766
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.215.995.026)	(2.027.405.640)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.215.995.026)	(2.027.405.640)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.381)	(451)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(1.381)	(451)

Đỗ Thị Phượng
Người lập biểu

Hoàng Công Huân
Kế toán trưởng




Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc


Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 03a - DN
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.236.413.550	24.471.706.264
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(3.326.011.931)	(21.542.013.748)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.173.740.009)	(3.827.502.950)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(2.299.836.735)	(1.830.426.968)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	3.945.229.912
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.339.766.987)	(4.506.680.264)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.902.942.112)	(3.289.687.754)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.887.711.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.797.100.000	750.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.417.165	66.191.879
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.798.517.165	(1.071.519.939)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	38.600.197.500	26.189.870.036
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(37.062.872.390)	(24.310.582.551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.537.325.110	1.879.287.485
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.567.099.837)	(2.481.920.208)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.691.992.213	5.350.849.180
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	398.744	(259.619)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	125.291.120	2.868.669.353


Đỗ Thị Phượng
Người lập biểu


Hoàng Công Huân
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2017

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xi măng Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 936/QĐ-BXD ngày 03 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000019 ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 5900305243. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11, vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần là 4.500.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Theo Quyết định số 313/QĐ-SGDHN ngày 04 tháng 05 năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly với mã chứng khoán SDY hủy niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017.

Theo Quyết định số 395/QĐ – SGDHN ngày 02 tháng 06 năm 2017 quyết định Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly với mã chứng khoán SDY được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 02 tháng 06 năm 2017.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Khai thác đá, sỏi, cát, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá vôi;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng, dầu, nhớt;
- Bán buôn máy móc thiết bị và các phụ tùng máy khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ tùng sửa chữa máy xây dựng, ô tô;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư bất động sản và đầu tư tài chính; và
- Xây nhà các loại.

Cấu trúc doanh nghiệp

Hiện nay Công ty có 01 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Xi nghiệp khai thác đá.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động kinh doanh tại Công ty, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

3 -
TY
TỔ H
N VÀ
CHỈ
TẾ
T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 20
Phương tiện vận tải	03 - 08
Máy móc thiết bị	03 - 16
Tài sản khác	Hết khấu hao

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất có thời hạn 36 năm tại số 424 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Buon Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk với diện tích 1.655 m².

Chi phí trả trước dài hạn

Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay tổng hợp phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	13.400.436	1.757.242.225
Tiền gửi ngân hàng	111.890.684	1.934.749.988
Cộng	125.291.120	3.691.992.213

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Chứng khoán kinh doanh				
- Tổng giá trị cổ phiếu SD3 (100.000 CP)	1.000.000.000 1.000.000.000	515.000.000 515.000.000	485.000.000 485.000.000	748.000.000 748.000.000
Cộng	1.000.000.000	515.000.000	485.000.000	748.000.000
				252.000.000
				252.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Đối với các chứng khoán hiện niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán (SD3) thì giá thị trường là giá trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP Sông Đà 3	16.752.539.500	27.961.894.670
- Chi nhánh 307	14.775.996.860	25.985.352.030
- Văn Phòng Công ty	1.976.542.640	1.976.542.640
Công ty CP Sông Đà 6	1.601.555.747	7.537.719.531
- Chi nhánh 603	915.678.610	6.851.842.394
- Văn Phòng Công ty	685.877.137	685.877.137
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	10.152.103.031
Xí nghiệp Sông Đà 11.5 Thăng Long	4.092.212.947	4.092.212.947
Các khoản phải thu khách hàng khác	14.404.812.028	20.357.022.825
Cộng	47.003.223.253	70.100.953.004

4. Phải thu về cho vay dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (*)	1.100.325.179	1.100.325.179
Cộng	1.100.325.179	1.100.325.179

(*) Phải thu Công ty Cổ phần Điện Việt Lào về khoản cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD/SDYALY-VL ngày 26 tháng 03 năm 2014. Mục đích cho vay: Thanh toán lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam cho dự án thủy điện Xekaman 1. Thời hạn vay 18 tháng kể từ ngày nhận tiền. Lãi suất cho vay theo lãi suất Tổng Công ty Sông Đà vay vốn lưu động tại các tổ chức tín dụng tính cho các đơn vị nội bộ Tổng Công ty. Theo Phụ lục bổ sung Hợp đồng vay vốn số 02/2016/PLHĐTD/SDYALY-VL ngày 01 tháng 01 năm 2016, khoản cho vay được gia hạn thanh toán đến ngày 12 tháng 03 năm 2017.

5. Phải thu ngắn hạn / dài hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Tạm ứng	598.659.139	664.283.877
- Phải thu khác	1.649.574.496	1.754.483.751
Cộng	2.248.233.635	2.418.767.628
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	172.849.427	172.849.427
Cộng	172.849.427	172.849.427

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
SÔNG ĐÀ YALY**

Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Nợ xấu

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số dự phòng đã trích lập VND	Giá gốc VND
Phải thu khách hàng	36.585.385.881	36.585.385.881	15.172.944.832	20.181.679.755
- Chi nhánh Sông Đà 3.07 - Công ty Cổ phần Sông Đà 3	14.775.996.860	14.775.996.860	-	-
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	10.152.103.031	10.152.103.031	10.152.103.031
- Xi nghiệp Sông Đà 11-5 Thăng Long	4.092.212.947	4.092.212.947	-	4.092.212.947
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	1.680.971.155	1.680.971.155	-	-
- Công ty TNHH Điện Xekaman 3	600.092.138	600.092.138	400.924.938	400.924.938
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	685.877.137	685.877.137	617.552.114	-
- Tổng công ty Sông Đà	598.630.933	598.630.933	299.315.467	-
- Các đối tượng khác	3.999.501.680	3.999.501.680	3.703.049.282	5.536.438.839
Trả trước cho người bán	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
- Công ty CP TV&HD Khoáng sản Geminco	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Phải thu khác	1.841.360.551	1.841.360.551	1.789.655.462	1.880.419.937
- Chi nhánh Xi nghiệp khai thác đá Chư Sê	516.993.815	516.993.815	516.993.815	516.993.815
- Nguyễn Xuân Toàn	109.601.873	109.601.873	109.601.873	109.601.873
- Nguyễn Khắc Hưng	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
- Các đối tượng khác	1.114.764.863	1.114.764.863	1.063.059.774	1.153.824.249
Cộng	38.526.746.432	38.526.746.432	17.062.600.294	22.162.099.692
				17.096.754.680

17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.397.415.010	-	9.226.504.936	-
Công cụ, dụng cụ	69.484.954	-	71.935.471	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	800.367.471	-	408.598.541	-
Thành phẩm	163.469.461	-	325.983.098	-
Hàng hoá	161.738.819	-	168.026.231	-
Cộng	10.592.475.715	-	10.201.048.277	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn / dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	3.884.636	48.724.297
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	1.996.971
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	11.463.458
- Các khoản khác	59.428.531	39.557.291
Cộng	63.313.167	101.742.017
b. Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.077.321.146	1.281.494.664
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	846.217.817	1.006.592.715
- Chi phí bóc phủ mỏ đá Chư Sê	248.110.105	283.554.406
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	755.977.288	1.277.091.802
- Các khoản khác	93.639.021	111.385.455
Cộng	3.021.265.378	3.960.119.042

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
SÔNG ĐÀ YALY**

Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2017

Thanh lý, nhượng bán

Tại ngày 30/06/2017

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2017

Khấu hao trong kỳ

Thanh lý, nhượng bán

Tại ngày 30/06/2017

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2017

Tại ngày 30/06/2017

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
	4.882.620.676	71.863.136.999	11.871.156.482 (4.674.303.785)	38.772.274	88.655.686.431 (4.674.303.785)
	4.882.620.676	71.863.136.999	7.196.852.697	38.772.274	83.981.382.646
	3.093.545.758	68.678.080.336	9.165.052.495	38.772.274	80.975.450.863
	77.663.526	217.288.191	301.799.052 (4.674.303.785)	-	596.750.769 (4.674.303.785)
	3.171.209.284	68.895.368.527	4.792.547.762	38.772.274	76.897.897.847
	1.789.074.918	3.185.056.663	2.706.103.987	-	7.680.235.568
	1.711.411.392	2.967.768.472	2.404.304.935	-	7.083.484.799

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 71.754.252.418 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 79.509.453.268 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã mang đi thế chấp các khoản vay của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.435.358.369 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	3.110.261.300	3.110.261.300
Tại ngày 30/06/2017	3.110.261.300	3.110.261.300
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	700.609.128	700.609.128
Khấu hao trong kỳ	43.198.074	43.198.074
Tại ngày 30/06/2017	743.807.202	743.807.202
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	2.409.652.172	2.409.652.172
Tại ngày 30/06/2017	2.366.454.098	2.366.454.098

Quyền sử dụng đất có thời hạn 36 năm tại số 424 Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk với diện tích 1.655 m².

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
SÔNG ĐÀ YALY**

Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ kế toán 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh Than Xuân Phú	2.300.000.000	2.300.000.000	2.900.000.000	2.900.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn	1.567.832.000	1.567.832.000	2.167.832.000	2.167.832.000
Công ty Xăng dầu Nhà nước Lào	-	-	18.667.783.669	18.667.783.669
Các đối tượng khác	8.129.246.071	8.129.246.071	10.513.812.559	10.513.812.559
Cộng	11.997.078.071	11.997.078.071	34.249.428.228	34.249.428.228

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2017		Số phải nộp trong kỳ VND		Số đã thực nộp / bù trừ trong kỳ VND		01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	6.489.425	195.133.699	195.133.699	230.769.941	42.125.667		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.963.267	-	-	-	9.963.267		
Thuế thu nhập cá nhân	37.756.295	34.474.247	34.474.247	26.238.028	29.520.076		
Thuế tài nguyên	124.194.620	124.194.620	124.194.620	-	-		
Tiền thuế đất	-	108.328.724	108.328.724	108.328.724	-		
Phí, lệ phí khác (*)	1.761.220.164	73.841.164	73.841.164	607.299.000	2.294.678.000		
Cộng	1.939.623.771	535.972.454	535.972.454	972.635.693	2.376.287.010		

Khoản phí lệ phí phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 bao gồm phí cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi Chư Sê A tại xã H'ông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai với số tiền là 1.690.379.000 đồng và các khoản phí, lệ phí khác phải nộp theo Quyết định số 690/QĐ-CT ngày 06 tháng 07 năm 2017 về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành luật thuế của Cục thuế tỉnh Gia Lai.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lãi vay phải trả	637.535.308	900.000.000
Trích trước chi phí mua phụ gia	434.143.483	438.743.483
Các khoản chi phí phải trả khác	10.769.229	123.185.010
Cộng	1.082.448.020	1.461.928.493

14. Các khoản phải trả ngắn hạn / dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	140.591.695	129.472.107
Bảo hiểm xã hội	717.837.380	1.004.339.763
Bảo hiểm y tế	13.777.732	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6.135.594	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	341.337.234	489.708.949
Cộng	1.219.679.635	1.623.520.819
b. Phải trả khác dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	76.402.273	86.402.273
Cộng	76.402.273	86.402.273

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
SÔNG ĐÀ YALU**

Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	37.100.197.500	37.100.197.500	38.600.197.500	35.572.872.390	34.072.872.390	34.072.872.390
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng	37.100.197.500	37.100.197.500	38.600.197.500	1.500.000.000	-	-
Bưu Điện (i)	-	-	-	-	34.072.872.390	34.072.872.390
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	-	34.072.872.390	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân (ii)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng vay và nợ ngắn hạn	39.100.197.500	39.100.197.500	38.600.197.500	36.072.872.390	36.572.872.390	36.572.872.390
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	495.000.000	495.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	-	-	495.000.000	495.000.000
Tổng	39.100.197.500	39.100.197.500	38.600.197.500	36.072.872.390	37.067.872.390	37.067.872.390

(i) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Xây dựng Bưu Điện theo các hợp đồng vay với thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt, lãi suất 12%/năm. Mục đích của khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi tiết như sau:

- Hợp đồng vay vốn số 1603/HĐVV - PTIC - SDY ngày 16 tháng 03 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 1603/HĐVV - PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa là 9.000.000.000 đồng
- Hợp đồng vay vốn số 2404/HĐVV - PTIC - SDY ngày 24 tháng 04 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 2404/HĐVV - PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa là 6.500.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV - PTIC - SDY ngày 30 tháng 05 năm 2017 và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng vay vốn số 3005/HĐVV - PTIC - SDY ngày 30 tháng 06 năm 2017 với tổng số tiền vay tối đa 24.300.000.000 đồng.

TRẮC KIỂM TỬ V

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
SÔNG ĐÀ YALÝ**

Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 6 tháng
kết thúc ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay đối với Công ty Cổ phần Xây dựng Bưu Điện được đảm bảo bằng các biện pháp sau:

- Nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 06 tháng tới;

- Trường hợp Công ty không trả được nợ hoặc khả năng trả nợ thấp, Công ty sẽ thực hiện cơ cấu các tài sản hiện có bao gồm 23 phương tiện vận tải (xe tải, xe ben, xe đầu kéo, sơ mi mooc...) và quyền sử dụng đất số AD 562559 do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 28 tháng 11 năm 2005 tại số 424 Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk với diện tích 1.655 m² để trả nợ cho khoản vay này; và

- Trường hợp Công ty phải bán một tài sản trở lên trong lô 23 phương tiện vận tải và bất động sản nói trên, Công ty phải xin ý kiến và được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Xây dựng Bưu Điện trước khi triển khai và nguồn thu này sẽ dùng để trả cho khoản vay này.

(ii) Các khoản vay cá nhân của các cá nhân trong Công ty để bổ sung vốn lưu động, các khoản vay không chịu lãi.

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(38.672.688.996)	20.641.756.047
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	(10.911.210.523)	(10.911.210.523)
Số dư tại ngày 01/01/2017	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(49.583.899.519)	9.730.545.524
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(6.215.995.026)	(6.215.995.026)
Số dư tại ngày 30/06/2017	45.000.000.000	(7.320.000)	14.321.765.043	(55.799.894.545)	3.514.550.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

c. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu Điện	22.000.000.000	22.000.000.000
Cổ đông khác	23.000.000.000	23.000.000.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

17. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến 30 tháng 06 năm 2017 Công ty chỉ phát sinh doanh thu bán thành phẩm trong nước. Đồng thời tài sản chỉ tập trung tại tỉnh Gia Lai. Do đó Công ty không thuộc đối tượng phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	223.159.087	30.820.494.526
- Doanh thu bán thành phẩm	223.159.087	23.939.525.066
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	6.871.725.681
- Doanh thu bán hàng hóa	-	9.243.779
Cộng	223.159.087	30.820.494.526
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	9.088.000
- Chiết khấu thương mại	-	9.088.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	223.159.087	30.811.406.526

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.149.549.425	23.022.466.763
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	5.124.633.617
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	9.243.779
Cộng	2.149.549.425	28.156.344.159

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.417.165	16.191.879
Lãi chênh lệch tỷ giá	398.744	216.998.294
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	50.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.069	-
Cộng	1.820.978	283.190.173

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền vay	2.037.372.043	1.772.426.968
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	233.000.000	60.000.000
Cộng	2.270.372.043	1.832.426.968

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	122.200.949	226.356.055
- Chi phí nhân công	910.409.149	1.550.807.642
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.755.368	107.380.368
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	921.394.889	863.334.363
- Chi phí bằng tiền khác	351.335.306	878.154.068
- Dự phòng phải thu khó đòi	(34.154.386)	(50.596.415)
Cộng	2.333.941.275	3.575.436.081
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân công	160.694.258	126.783.080
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.625.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.803.900	-
- Chi phí bằng tiền khác	20.945.345	98.661.817
Cộng	314.068.503	225.444.897

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.633.727.276	686.363.635
Các khoản khác	29.556.363	1.574.046
Cộng	1.663.283.639	687.937.681

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	823.771.117	2.700.000
Các khoản khác	212.556.367	17.587.915
Cộng	1.036.327.484	20.287.915

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.215.995.026)	(2.027.405.640)
Điều chỉnh cho các khoản thu nhập chịu thuế	1.036.327.484	2.700.000
Điều chỉnh tăng	1.036.327.484	2.700.000
- Phạt vi phạm hành chính	823.771.117	2.700.000
- Chi phí không được trừ khác	212.556.367	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	(6.215.995.026)	(2.027.405.640)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.215.995.026)	(2.027.405.640)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.381)	(451)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	916.291.476	17.472.839.468
Chi phí nhân công	1.493.296.536	3.312.628.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	639.948.843	1.129.262.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.752.237.900	7.898.332.453
Chi phí khác bằng tiền	387.553.378	1.010.791.773
Cộng	5.189.328.133	30.823.854.802

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản vay	39.100.197.500	37.562.872.390
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	125.291.120	3.691.992.213
Nợ thuần	38.974.906.380	33.870.880.177
Vốn chủ sở hữu	3.514.550.498	9.730.545.524
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1108,96%	348,09%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	125.291.120	3.691.992.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.289.181.773	56.523.291.131
Đầu tư ngắn hạn	515.000.000	748.000.000
Các khoản ký quỹ	172.849.427	172.849.427
Cộng	34.102.322.320	61.136.132.771
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	39.100.197.500	37.562.872.390
Phải trả người bán và phải trả khác	13.293.159.979	35.959.351.320
Chi phí phải trả	1.082.448.020	1.461.928.493
Cộng	53.475.805.499	74.984.152.203

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Các loại công cụ tài chính

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

Phải thu của khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại nhiều ngân hàng. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
30/06/2017			
Tiền	125.291.120	-	125.291.120
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.289.181.773	-	33.289.181.773
Đầu tư ngắn hạn	515.000.000	-	515.000.000
Các khoản ký quỹ	-	172.849.427	172.849.427
Cộng	33.929.472.893	172.849.427	34.102.322.320
30/06/2017			
Các khoản vay	39.100.197.500	-	39.100.197.500
Phải trả người bán và phải trả khác	13.216.757.706	76.402.273	13.293.159.979
Chi phí phải trả	1.082.448.020	-	1.082.448.020
Cộng	53.399.403.226	76.402.273	53.475.805.499
Chênh lệch thanh khoản thuần	(19.469.930.333)	96.447.154	(19.373.483.179)

123
TY
HỮU
N V
CHI
TẾ
T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2017			
Tiền	3.691.992.213	-	3.691.992.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.523.291.131	-	56.523.291.131
Đầu tư ngắn hạn	748.000.000	-	748.000.000
Các khoản ký quỹ	-	172.849.427	172.849.427
Cộng	60.963.283.344	172.849.427	61.136.132.771
01/01/2017			-
Phải trả người bán và phải trả khác	35.872.949.047	86.402.273	35.959.351.320
Chi phí phải trả	1.461.928.493	-	1.461.928.493
Các khoản vay	37.067.872.390	495.000.000	37.562.872.390
Cộng	74.402.749.930	581.402.273	74.984.152.203
Chênh lệch thanh khoản thuần	(13.439.466.586)	(408.552.846)	(13.848.019.432)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Thông tin các bên liên quan

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	73.430.292	140.555.127
Ông Nguyễn Xuân Khuê	73.430.292	73.430.292
Ông Nguyễn Ngọc Đĩnh	-	67.124.835
Cộng	146.860.585	281.110.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2017 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

Đỗ Thị Phương
Người lập biểu

Hoàng Công Huân
Kế toán trưởng



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Xuân Hải

Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2017